

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 307/2019/DS-PT

Ngày: 19-9-2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Tân

Ông Nguyễn Văn Vững

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lâm Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Tón - Kiểm sát viên.

Ngày 19/9/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 345/2019/TLPT- DS ngày 31 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2019/DS-ST ngày 24/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 319/2019/QĐPT-DS ngày 21 tháng 8 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp Long H, xã Long T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Người đại diện theo ủy quyền*** cho nguyên đơn là anh Hồ Thanh H, sinh năm 1983, địa chỉ: ấp Phú L, xã Phú T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 26/9/2018). (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc L, sinh năm 1969. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Long H, xã Long T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Huỳnh Thị Kim L (tên gọi khác Huỳnh Thị L), sinh năm 1978.
(Vắng mặt)

3.2. Anh Nguyễn Bảo N, sinh năm 1989. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm Long T, phường Long T, thị xã T, tỉnh A.

3.3. Bà Huỳnh Thị Thu H, sinh năm 1984. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Long H, xã Long T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi ở hiện nay: Xã Vĩnh T, huyện T, tỉnh L.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Ngọc T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Anh Hồ Thanh H là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trình bày:

Năm 2015, bà T có cho bà L vay tiền nhiều lần như sau:

- + Lần 1 vào ngày 23/02/2015 là 5.000.000đ;
- + Lần 2 vào ngày 13/3/2015 vay 10.000.000đ;
- + Lần 3 vào ngày 18/3/2015 vay 10.000.000đ;
- + Lần 4 vào ngày 25/3/2015 vay 20.000.000đ;
- + Lần 5 vào ngày 04/4/2015 vay 5.000.000đ;
- + Lần 6 vào ngày 24/9/2015 vay 30.000.000đ;
- + Lần 7 vào ngày 10/12/2015 vay 20.000.000đ;
- + Lần 8 vào ngày 24/12/2015 vay 20.000.000đ.

Tổng cộng 08 lần vay là 120.000.000đ.

Do là hàng xóm thân thiết tin tưởng nên giữa bà T và bà L không có làm biên nhận nợ, bà L là người nhận tiền. Lúc vay, bà L không có nói là vay giùm em bà là bà Huỳnh Thị Kim L. Thời gian quá lâu, bà L không trả tiền cho bà T, nên bà T yêu cầu bà L trả tiền thì bà L có nói là vay giùm cho bà Kim L. Khi bà T khởi kiện đến Tòa án, bà L và bà Kim L có làm biên nhận nợ ngày 17/9/2018 cùng ký tên vào biên nhận nợ nội dung bà Kim L nợ 120.000.000đ, bà L là người mượn giùm. Nay bà T yêu cầu bà L, bà Kim L cùng liên đới trả cho bà số tiền vay còn nợ là 120.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

- Ngày 26/11/2015, bà T có cho bà L vay thêm số tiền 85.000.000 đồng, bà L có trả được cho bà T 7.000.000 đồng, còn nợ lại 78.000.000 đồng, đến nay không trả. Việc cho vay tiền hai bên cũng không có làm biên nhận nợ.

Nay bà T yêu cầu bà L trả số tiền vay 78.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

- Bà Huỳnh Thị Ngọc L trình bày: Bà không có quan hệ họ hàng gì với bà T, chỉ là hàng xóm với nhau. Bà có hỏi vay tiền của bà T, không nhớ ngày tháng năm, chỉ nhớ khoảng 05 năm trước, bà có vay tiền nhiều lần của bà T, hỏi vay một lần 5.000.000đ, một lần 10.000.000đ, một lần 30.000.000đ và các lần khác không nhớ rõ cụ thể cộng lại là 100.000.000đ, bà có đóng lãi cho bà T hàng tháng với số tiền là 15.000.000đ/tháng. Việc đóng lãi không có làm giấy tờ và không có chứng cứ chứng minh. Sau này bà không đóng lãi nổi nữa nên ngưng, có chót lại là nợ bà T 120.000.000đ. Số tiền này bà vay giùm cho em ruột là Huỳnh Thị Kim L để làm vốn buôn bán và tiêu xài trong gia đình, bà không có nợ bà T. Nay bà T yêu cầu bà và bà Kim L liên đới trả số nợ 120.000.000đ, bà thừa nhận có hỏi vay số tiền 120.000.000đ của bà T, nhưng bà vay giùm cho bà Kim L thì để cho bà Kim L trả, bà không đồng ý liên đới cùng bà Kim L trả số tiền nợ trên cho bà T.

- Đối với số tiền nợ 78.000.000đ, bà có giới thiệu cho em ruột bà là bà Huỳnh Thị Thu H vay tiền của bà T. Trước đây bà H cư trú ở xã Long T, huyện H, sau đó có chồng về L sinh sống. Bà T trực tiếp thỏa thuận và giao tiền cho vợ chồng bà H tại nhà bà, bà có chứng kiến, giao tiền nhiều lần tổng cộng là 85.000.000đ, có trả nhiều lần còn nợ lại số tiền gốc là 78.000.000đ, số tiền này là bà T cho bà H vay, bà không biết đến, bà không thống nhất trả số tiền 78.000.000đ cho bà T.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ Bà Huỳnh Thị Kim L (Huỳnh Thị L) trình bày: Bà không có quan hệ họ hàng gì với bà T. Bà là em ruột của bà Huỳnh Thị Ngọc L, bà có nhờ bà L hỏi vay tiền của bà T, vay tiền nhiều lần, một lần 5.000.000đ, một lần 10.000.000đ, một lần 30.000.000đ và các lần khác không nhớ cụ thể số tiền cộng lại là 100.000.000đ. Bà có đưa tiền cho bà L để đóng lãi cho bà T hàng tháng 15.000.000đ/tháng, sau này bà không đóng nổi nữa nên ngưng và có chót lại là nợ bà T số tiền gốc là 120.000.000đ. Việc đóng lãi không có làm giấy tờ, không có chứng cứ chứng minh, số tiền này bà L mượn giùm bà để bà buôn bán, tiêu xài gia đình, nhưng làm ăn thua lỗ nên không có khả năng trả cho bà T. Nay bà T yêu cầu bà và bà L liên đới trả số nợ 120.000.000đ, bà không thống nhất liên đới cùng trả nợ với bà L, vì số tiền này là bà nợ của bà T, bà L chỉ là người vay giùm, không liên quan đến bà L. Bà thống nhất trả số tiền vay còn nợ gốc 120.000.000đ cho bà T.

+ Bà Huỳnh Thị Thu H trình bày: Bà không có quan hệ họ hàng với bà T, bà là em ruột của bà Huỳnh Thị Ngọc L. Vào khoảng năm 2013, do sự giới thiệu của bà L thì bà quen biết bà T, nên bà có hỏi vay tiền của bà T, hỏi vay nhiều lần, gồm: hai lần vay 20.000.000đ, một lần vay 15.000.000đ, một lần vay 30.000.000đ, tổng cộng nợ gốc là 85.000.000đ. Bà có đóng lãi cho bà T hàng tháng với số tiền 12.750.000đ/tháng, đóng được 24 tháng từ năm 2013 đến năm 2015, khi đóng lãi không có làm giấy tờ gì, không có gì chứng minh. Bà có trả

tiền gốc được 7.000.000đ, còn nợ lại 78.000.000đ. số tiền này là bà vay của bà T không liên quan gì đến bà L, bà thống nhất trả số tiền còn nợ cho bà T.

+ Anh Nguyễn Bảo N trình bày: Anh có biết việc mẹ anh là bà Kim L thiếu tiền bà T nhưng thiếu bao nhiêu thì anh không biết. Nay bà T khởi kiện bà Kim L, bà L trả tiền, anh không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà T, yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án DSST số: 09/2019/DSST ngày 24/5/2019 của Tòa án huyện H tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc T.

1.1. Buộc bà Huỳnh Thị Ngọc L và bà Huỳnh Thị Kim Lo (Huỳnh Thị L) có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Ngọc T số tiền vay còn nợ gốc là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc T yêu cầu bà Huỳnh Thị Ngọc L trả số tiền vay còn nợ gốc là 78.000.000đ (Bảy mươi tám triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc bà Huỳnh Thị Ngọc L và bà Huỳnh Thị Kim L (Huỳnh Thị L) liên đới chịu 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

2.2. Buộc bà Nguyễn Ngọc T chịu 3.900.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.000.000đ theo biên lai thu số 0003944 ngày 28/8/2018 và 2.771.000đ, theo biên lai thu số 0004004 ngày 02/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Ngọc T số tiền tạm ứng án phí 1.871.000đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/6/2019 bà Nguyễn Ngọc T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, bà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc bà L trả cho bà 78.000.000đ tiền nợ vay còn thiếu.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà T vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo

quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi án sơ thẩm xử, bà T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm xử, bà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc bà L trả cho bà 78.000.000đ tiền nợ vay còn thiếu. Xét yêu cầu kháng cáo của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 26/11/2015, bà T có cho bà L vay số tiền 85.000.000đ, bà L có trả cho bà 7.000.000đ, còn nợ lại 78.000.000đ đến nay không trả. Việc cho vay tiền hai bên cũng không có làm biên nhận nợ. Nay bà T yêu cầu bà L trả số tiền vay 78.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Bà L cho rằng số tiền nợ 78.000.000đ, bà là người giới thiệu cho em ruột bà là bà Huỳnh Thị Thu H vay tiền của bà T. Trước đây bà H cư trú ở xã Long T, huyện H, sau đó có chồng về L sinh sống. Bà T trực tiếp thỏa thuận và giao tiền cho vợ chồng bà H tại nhà bà, bà có chứng kiến việc giao tiền làm nhiều lần tổng cộng là 85.000.000đ và có trả được 7.000.000đ, còn nợ lại số tiền gốc là 78.000.000đ, số tiền này là bà T cho bà H vay, bà không biết đến, bà không thống nhất trả số tiền 78.000.000đ cho bà T vì bà không có vay.

Bà H thừa nhận số tiền trên bà có nhờ chị bà là bà L giới thiệu bà T cho bà để vay tiền, bà là người vay tiền của bà T, nên bà đồng ý trả cho bà T số tiền trên, bà L không có liên quan, nhưng tại phiên tòa bà T chỉ yêu cầu bà L, không yêu cầu bà H trả nợ, cũng như bà T không yêu cầu bà L, bà H cùng liên đới trả số tiền trên cho bà. Tại phiên tòa, bà T cũng không có chứng cứ gì chứng minh bà L vay tiền của bà và bà cũng không yêu cầu bà H trả nợ.

[2] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy án sơ thẩm xử không chấp nhận một phần yêu cầu của bà T yêu cầu bà L trả số tiền vay còn thiếu 78.000.000đ là hoàn toàn có căn cứ, nên xét đơn kháng cáo của bà T là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bà, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên bà T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật nên chấp

nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 275; Điều 288; Điều 357; Điều 370; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc T.
 2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 09/2019/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H.
 3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc T.
 - Buộc bà Huỳnh Thị Ngọc L và bà Huỳnh Thị Kim L (Huỳnh Thị L) có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Ngọc T số tiền vay còn nợ là 120.000.000đ.
- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
4. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc T yêu cầu bà Huỳnh Thị Ngọc L trả số tiền vay còn nợ là 78.000.000đ.
 5. Về án phí dân sự sơ thẩm:
 - Buộc bà Huỳnh Thị Ngọc L và bà Huỳnh Thị Kim L (Huỳnh Thị L) liên đới chịu 6.000.000đ.
 - Bà Nguyễn Ngọc T phải chịu 3.900.000đ án phí sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.000.000đ theo biên lai thu số 0003944 ngày 28/8/2018 và 2.771.000đ, theo biên lai thu số 0004004 ngày 02/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Ngọc T số tiền tạm ứng án phí là 1.871.000đ.

6. Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000

đồng tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 0000835 ngày 06/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H (bà T đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện H;
- TAND huyện H;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Phước Hội